

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Danh

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2022/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị Ngọc L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 35 Ô 3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.  
(có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Ngô Hồng L1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 24 Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.  
(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-02-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị L và anh L1 tự nguyện chung sống năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 189 quyển số 01/2014 ngày 17/6/2014), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Thỉnh thoảng anh L1 có đánh đập chị L, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị L và anh L1 đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể hòa giải được, chung sống không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L1.

Về nuôi con chung: Chị L xác nhận chị và anh L1 có 02 con chung tên Ngô Hồng Đ, sinh ngày 15/01/2008 và Ngô Thị Ánh L3, sinh ngày 22/6/2015. Từ khi ly thân chị là người chăm sóc, nuôi dưỡng hai con nên ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Ngô Hồng L1:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của anh L1.

*Tại phiên tòa:*

Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Anh L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh L1 vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Hồ Thị Ngọc L yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Ngô Hồng L1 nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Ngô Hồng L1 có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

### [2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị L đăng ký kết hôn với anh L1 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 189 quyền số 01/2014 ngày 17/6/2014. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị L và anh L1 đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại Tòa chị xác định không còn tình cảm với anh L1 nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác minh cho thấy: Chị L và anh L1 kết hôn và chung sống với nhau tại tổ 35 khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên hai vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, anh L1 chuyển về sống tại nhà mẹ đẻ ở khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân anh L1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 là có thật, theo chiều hướng kéo

dài và trầm trọng, anh chị đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh L1.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung tên Ngô Hồng Đ, sinh ngày 15/01/2008 và Ngô Thị Ánh L3, sinh ngày 22/6/2015. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con 02 chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi hai vợ chồng ly thân năm 2018 cho đến nay, các cháu vẫn ở với mẹ, được mẹ nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Đ và cháu L3 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Ngọc L ly hôn anh Ngô Hồng L1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Ngô Hồng Đ, sinh ngày 15/01/2008 và Ngô Thị Ánh L3, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Hồ Thị Ngọc L trực tiếp nuôi

dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.*

*Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.*

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008817, ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng Đ hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND TT L, huyện L;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký và đóng dấu)**

**Phạm Thị Bình**

